

Số: 346/TB-YDHP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh Chuyên khoa cấp II
Chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú năm 2023 – Đợt 1

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tuyển sinh sau đại học trình độ đào tạo Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú năm 2023 – đợt 1 như sau:

1. Hình thức và thời gian đào tạo, chuyên ngành, chỉ tiêu tuyển sinh

1.1. Hình thức, thời gian đào tạo:

Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

Thời gian đào tạo: Tập trung 2 năm đối với trình độ Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II; tập trung 3 năm đối với Bác sĩ nội trú.

1.2. Chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô 31/12/2022	Chỉ tiêu năm 2023
I	<i>Chuyên khoa cấp II</i>		
1	Nội hô hấp	6	3
2	Nội chung	13	12
3	Nội tim mạch	3	3
4	Sản phụ khoa	8	10
5	Ngoại CTCH	3	4
6	Ngoại tiêu hóa	0	3
7	Ngoại chung	8	13
8	QLYT	39	61
9	Nhi chung	11	15
10	Răng hàm mặt	10	7
11	Tâm thần	1	15
	Tổng	102	146
II	<i>Chuyên khoa cấp I</i>		
1	Nội khoa	74	42
2	Ngoại khoa	12	33
3	Sản phụ khoa	19	22
4	Nhi khoa	29	28

5	Mắt	10	6
6	Tai Mũi Họng	23	26
7	Hóa sinh	0	10
8	Răng Hàm Mặt	106	33
9	Chẩn đoán hình ảnh	61	28
10	Lao	0	10
11	Y học cổ truyền	52	49
12	Y học gia đình	4	56
13	Y tế công cộng	3	7
14	Ung thư	9	14
15	Tâm thần	15	24
16	Xét nghiệm y học	24	46
17	Gây mê hồi sức	21	19
18	Dược lý và DLS		30
19	Điều dưỡng	6	34
	Tổng	468	517
III	Bác sỹ Nội trú		
1	Nội khoa	9	17
2	Ngoại khoa	22	16
3	Sản khoa	9	14
4	Nhi khoa	21	11
5	Răng Hàm Mặt	3	6
	Tổng	64	64
	Tổng chung	634	727

2. Điều kiện dự thi và các môn thi tuyển

2.1. Chuyên khoa cấp II

2.1.1. Điều kiện dự thi

a) Văn bằng

Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc bằng thạc sĩ đăng ký dự thi đúng với ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ chuyên khoa I hoặc thạc sĩ hoặc đăng ký dự thi theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp (sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ chuyên khoa I hoặc thạc sĩ.

b) Yêu cầu về thâm niên

Sau khi tốt nghiệp chuyên khoa I hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ) và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề).

2.1.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn 1	Môn 2
1.	Nội chung	Nội	Ngoại ngữ
2.	Nội hô hấp	Nội	Ngoại ngữ
3.	Nội Tim mạch	Nội	Ngoại ngữ
4.	Ngoại chung	Ngoại	Ngoại ngữ
5.	Ngoại Tiêu hoá	Ngoại	Ngoại ngữ
6.	Ngoại chấn thương chỉnh hình	Ngoại	Ngoại ngữ
7.	Nhi chung	Nhi	Ngoại ngữ
8.	Sản Phụ khoa	Sản PK	Ngoại ngữ
9.	Quản lý Y tế	Dịch tễ-TCQLYT	Ngoại ngữ
10.	Tâm thần	Tâm thần	Ngoại ngữ
11.	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ

Môn thi 2 ngoại ngữ trình độ B có phần chuyên. Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được miễn thi môn này (căn cứ Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo)

2.2. Chuyên khoa cấp I

2.2.1. Điều kiện dự thi

a) Văn bằng

- Thí sinh có bằng đại học thuộc ngành học tương ứng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

b) Yêu cầu về thâm niên

- Có chứng chỉ hành nghề phù hợp chuyên ngành dự thi (đối với các lĩnh vực cần có chứng chỉ hành nghề)

- Trường hợp thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành khác phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi. Không áp dụng cho các bác sĩ RHM, YHCT, YHDP, Điều Dưỡng, Dược công tác tại chuyên ngành đăng ký dự thi sau ngày 01/01/2012.

2.2.2. Môn thi tuyển

TT	Tên ngành	Môn thi	
		Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
1.	Nội khoa	Sinh lý	Nội khoa
2.	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
3.	Lao	Sinh lý	Lao
4.	Hóa sinh	Sinh lý	Hóa sinh
5.	Y học cổ truyền	Sinh lý	Y học cổ truyền
6.	Y học gia đình	Sinh lý	Y học gia đình
7.	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
8.	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần
9.	Ngoại khoa	Giải phẫu	Ngoại khoa
10.	Ung thư	Giải phẫu	Ung thư
11.	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản phụ khoa
12.	Mắt	Giải phẫu	Mắt
13.	Tai Mũi Họng	Giải phẫu	Tai Mũi Họng
14.	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu	Răng Hàm Mặt
15.	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
16.	Điều dưỡng	Giải phẫu	Điều dưỡng
17.	Y tế công cộng	Dịch tễ học	Tổ chức Quản lý y tế
18.	Xét nghiệm y học	Sinh học-Di truyền	Xét nghiệm y học
19.	Dược lý và dược lâm sàng	Dược động học	Dược lý

2.3. Bác sĩ nội trú

2.3.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi, hệ chính quy, năm 2023 và đạt loại khá trở lên. Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

2.3.2. Môn thi tuyển

STT	Tên ngành	Môn thi			
		Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4
1	Nội khoa	Ngoại ngữ	Nội dung đề thi môn 2 gồm 4 môn (Sinh lý, Giải phẫu, Hoá sinh, Sinh học-Di truyền)	Nội	Nhi
2	Ngoại khoa	Ngoại ngữ		Ngoại	Sản
3	Sản Phụ khoa	Ngoại ngữ		Sản	Ngoại
4	Nhi khoa	Ngoại ngữ		Nhi	Nội
5	Răng Hàm Mặt	Ngoại ngữ		Nha khoa	Phẫu thuật miệng hàm mặt.

Môn thi 1 (ngoại ngữ): Thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) ở trình độ B. Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được miễn môn thi này (Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

3.1. Đối tượng ưu tiên

Mục c	Nội dung chính sách ưu tiên	Xét ưu tiên		Minh chứng pháp lý
		CKI	CKII	
1.	Thí sinh có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.	x	x	- Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự; - Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng, quyết định tiếp nhận công tác, quyết định phân công công tác hoặc hợp đồng lao động (sau tốt nghiệp Đại học/Sau đại học);
2.	Thí sinh là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	x		- Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền. - Bản sao công chứng thẻ chính sách thương binh.

3.	Thí sinh là con liệt sĩ.	x		▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền ▪ Bản sao công chứng xác nhận gia đình liệt sĩ.
4.	Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang (LLVT), anh hùng lao động.	x		▪ Xác nhận của Phòng Lao động-Thương binh xã hội có thẩm quyền. ▪ Bản sao công chứng xác nhận là Anh hùng LLVT, Anh hùng lao động.
5.	Thí sinh là người dân tộc thiểu số hiện đang thường trú, sinh sống 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại mục (1) trong bảng này.	x	x	▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thường trú tại địa phương. ▪ Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú (trong thời hạn 6 tháng).
6.	Thí sinh là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.	x		▪ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập. ▪ Bản sao công chứng chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

3.2. Chính sách ưu tiên

TT	Xét ưu tiên	Cộng điểm ưu tiên vào tổng điểm trúng tuyển
1	Chuyên khoa cấp II*	Miễn ngoại ngữ đầu vào
2	Chuyên khoa cấp I	1đ

Thí sinh thuộc diện chính sách ưu tiên mục 1, 5 được xét miễn ngoại ngữ đầu vào, nếu trúng tuyển phải đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra là bậc 3 trong khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc thi qua môn ngoại ngữ với đề thi đạt trình độ bậc 3 và có phần kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp.

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng. Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (thang điểm 10) vào tổng điểm thi. Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi hết thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.

4. Hồ sơ dự thi tuyển

1) Đơn xin dự thi có xác nhận của cơ quan chủ quản quản lý nhân sự (theo mẫu).

2) Bản sao công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp đại học. Đối với thí sinh dự tuyển chuyên khoa cấp II nộp bản sao công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học. Thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, bằng điểm, văn bằng phải công chứng dịch thuật và phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục & Đào tạo, có ghi rõ ngành/ chuyên ngành đào tạo.

3) Bản sao công chứng: Văn bằng và bằng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định; Chứng chỉ hành nghề đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II; Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với các chuyên ngành tuyển sinh có yêu cầu.

4) Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có) theo quy định và minh chứng kèm theo.

5) Thí sinh dự thi chuyên khoa cấp I có chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khác chuyên ngành dự thi, phải có giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi tối thiểu 12 tháng (tính từ sau khi cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hoạt động chuyên môn không tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi) và quyết định phân công nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị, ghi rõ làm công tác khám, chữa bệnh chuyên khoa gì.

6) Người dự tuyển công tác tại cơ sở y tế công lập nộp bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức/công chức; Người dự tuyển công tác tại cơ sở y tế ngoài công lập phải nộp bản sao công chứng Hợp đồng lao động, giấy phép hoạt động và danh mục chuyên ngành hoạt động của cơ sở y tế nơi người dự tuyển công tác (đối với thí sinh đăng ký dự thi Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II).

7) Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển đối với thí sinh tự do.

8) Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự hoặc xác nhận của chính quyền địa phương (xã/phường) đối với thí sinh tự do, yêu cầu thí sinh có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9) Giấy chứng nhận sức khỏe (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 hướng dẫn khám sức khỏe) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

10) Hai bì thư, 06 ảnh cỡ 4x6 cm. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.

STT	Nội dung hồ sơ gồm
1. Thí sinh dự tuyển CKI, CKII (công tác tại cơ sở y tế công lập).	- Đầy đủ các mục 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 trong hồ sơ dự thi tuyển
2. Thí sinh dự tuyển CKI, CKII (công tác tại cơ sở y tế ngoài công lập)	- Mục 1,2,3,4,5,7,8,9,10 như thí sinh dự tuyển công tác tại cơ sở y tế công lập. - Mục 6: + Đối với người dự tuyển công tác tại cơ sở y tế ngoài công lập có con dấu pháp lý phải nộp bản sao công chứng Hợp đồng lao động, giấy phép hoạt động và danh mục chuyên ngành hoạt động của cơ sở y tế nơi người dự tuyển công tác + Đối với người dự tuyển công tác tại các phòng khám tư nhân không có con dấu pháp lý (hộ kinh doanh cá thể) phải nộp bản đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động của phòng khám và danh sách cán bộ y tế đăng ký làm việc tại phòng khám có xác nhận của Sở y tế
3. Thí sinh tự do (CKI, CKII)	- Mục 1,2,3,4,5,9,10 hồ sơ như thí sinh dự tuyển công tác tại cơ sở y tế công lập. - Mục 7: Bản cam kết hiện không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trong thời gian đăng ký dự tuyển có xác nhận của chính quyền địa phương xã/phường nơi cư trú. - Mục 8: Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai ảnh và các trang xác nhận của chính quyền địa phương (xã/phường), yêu cầu thí sinh có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Thí sinh đăng ký dự tuyển BSNT	- Mục 1,2,3,4,5,8,9,10 hồ sơ như Thí sinh dự tuyển công tác tại cơ sở y tế công lập.

Ghi chú: Tất cả giấy tờ được đánh số (góc trên bên phải của trang đầu), xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ. Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong làm hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu đã dự thi mà bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả. Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản và gửi cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Kinh phí dự tuyển:

Lệ phí đăng ký hồ sơ dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ;

Lệ phí dự tuyển: 120.000đ/môn thi;

Hồ sơ và kinh phí dự tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

6. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ và thi tuyển

Nhận hồ sơ trong giờ hành chính, tại phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học (phòng 301, nhà A) Trường Đại học Y Dược Hải Phòng số 72A, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Học viên nộp hồ sơ tại phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, nộp lệ phí dự tuyển tại phòng Tài chính kế toán. Phòng Quản lý ĐT Sau Đại học tiếp nhận hồ sơ thí sinh có nguyện vọng đăng ký dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh xem xét, phê duyệt thí sinh đủ điều kiện dự thi theo quy định và thông báo cho thí sinh.

Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển đến hết ngày 30/6/2023.

Thời gian Hội đồng tuyển sinh xét duyệt hồ sơ đủ điều kiện/không đủ điều kiện dự thi: 1/7/2023 - 3/7/2023

Dự kiến thí sinh tập trung ôn thi tại trường: 01/7/2023 - 20/7/2023

Dự kiến thời gian thi tuyển vào tuần cuối, tháng 7/2023

7. Thời gian công bố kết quả và nhập học

Dự kiến công bố kết quả thi tuyển ngày 10/8/2023

Dự kiến nhận đơn phúc khảo từ ngày 11/8/2023 - 13/8/2023

Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển ngày 25/8/2023

Dự kiến nhập học ngày 05/9/2023

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển, thí sinh vui lòng xem tại website: www.hpmu.edu.vn hoặc Điện thoại: 02253.735.968.

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế tiếp nhận thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp thời hoàn thành hồ sơ và nộp hồ sơ đúng thời hạn. Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các trường Đại học, CĐ & TC Y Dược;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu QLĐTSDH, VT.



HIỆU TRƯỞNG

* PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

PHỤ LỤC 1:
 Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
 Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
 áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
 (Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ
 trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm Tương đương Bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B 1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Doc: 275-384 Not: 120-159 Viết: 120-149
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF BI Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	TPKPt - Test of Proficiency in Knowledge of Russian pyccкoMy sasлxy xax oHOcTpaHHoMy	TPKH-1
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên

Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp, chỉ chấp nhận các chứng chỉ được tổ chức thi sau ngày Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản cho phép các Trường tổ chức thi, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 19/9/2017 và Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021. Chi tiết tại bảng dưới đây:

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP HCM
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương TP HCM
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ THI TUYỂN SINH.....

Chuyên ngành năm 2023

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Họ tên (in hoa): Nam/Nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh (tỉnh/thành phố):.....

Quê quán:.....

Dân tộc:

Số CMND/CCCD:.....

Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Ngày vào đảng CSVN:..... Ngày chính thức:.....

Chức vụ:

Cơ quan công tác hiện nay:.....

Địa chỉ cơ quan:

Mã số thuế cơ quan (ghi đầy đủ).....

Đăng ký thi ngoại ngữ: Anh: ☐ Pháp: ☐ Khác (ghi cụ thể)

Điện thoại: NR:..... CQ:..... DD:

Email liên hệ

Nơi tốt nghiệp Đại học:.....Năm tốt nghiệp:

Ngành đào tạo:Loại tốt nghiệp:

Đối tượng ưu tiên: Có ☐ Không: ☐

Tôi xin đảm bảo những điều ghi trong đơn cũng như toàn bộ giấy tờ hồ sơ là đúng sự thật, tự nguyện đăng ký dự thi tuyển và cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế và các quy định của Nhà trường, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2023

Xác nhận của cơ quan

Người dự thi
(Ký và ghi rõ học tên)

.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., Ngày tháng năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN THÂM NIÊN CÔNG TÁC

(Đính kèm hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định phân công nhiệm vụ thể hiện vị trí việc làm phù hợp chuyên ngành dự thi)

Cơ sở y tế:.....

Xác nhận Ông/Bà:

Sinh ngày:.....

Nơi sinh (tỉnh/thành phố):

Chức vụ:

.....

Đã có thời gian công tác tại (ghi rõ khoa/phòng):.....

.....

Là năm tháng.

(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm.....)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN